

ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ THÔNG QUA SUY ĐOÁN PHÁP LÝ TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHIA DI SẢN THỪA KẾ Ở VIỆT NAM

• ThS. Nguyễn Ngọc Ánh* - Nguyễn Tân Kiên

Tóm tắt: Pháp điển hóa và kiểm soát suy đoán pháp lý là bước đi tất yếu để nâng cao hiệu quả tư pháp và củng cố niềm tin vào công lý, bảo đảm quyền con người trong tổ tụng dân sự. Trên cơ sở phân tích thực trạng vận dụng suy đoán pháp lý trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế tại Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của việc vận dụng suy đoán này, qua đó bảo vệ quyền con người, góp phần hiện thực hóa nguyên tắc công lý và bình đẳng trước pháp luật.

Từ khóa: Di sản thừa kế; quyền con người; suy đoán; suy đoán pháp lý; tổ tụng dân sự.

Abstract: Codifying and controlling legal speculation is an inevitable step to improve judicial efficiency and strengthen trust in justice, ensuring human rights in civil proceedings. Based on the analysis of the current situation of applying legal speculation in the practice of resolving inheritance disputes in Vietnam, the article proposes a number of solutions to enhance the role of applying this speculation, thereby protecting human rights, contributing to realizing the principles of justice and equality before the law.

Keywords: Inheritance; human rights; speculation; legal speculation; civil proceedings.

Ngày nhận: 14/7/2025 Ngày phản biện, đánh giá: 25/7/2025 Ngày duyệt: 08/8/2025

Trong bối cảnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, việc bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền được xét xử công bằng, quyền tiếp cận công lý, và quyền được bảo vệ tài sản trong các vụ tranh chấp dân sự về di

sản thừa kế ngày càng trở thành yêu cầu cốt lõi trong hoạt động lập pháp và tư pháp. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các vụ việc này vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu chứng cứ trực tiếp, đặc biệt trong những tình huống có yếu tố lịch sử, chiến tranh, tập quán hoặc hoàn cảnh đặc biệt của đương sự. Trong bối cảnh đó, suy đoán pháp lý trở thành một công

(*) Giảng viên Khoa Đào tạo Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, Học viện Tòa án. Email: anhngoc1101993@gmail.com.

(**) Sinh viên lớp B - Khóa 6, Học viện Tòa án. Email: kiennguyen.forjob@gmail.com.

cụ tổ tụng quan trọng, giúp lấp đầy các khoảng trống chứng cứ, hỗ trợ thẩm phán trong việc suy luận hợp lý để xác định sự thật khách quan, bảo đảm quyền lợi của các bên, đặc biệt là những người yếu thế trong tố tụng.

1. Suy đoán pháp lý trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế tại Việt Nam

Thứ nhất, thực trạng quy định về suy đoán pháp lý trong pháp luật dân sự và tố tụng dân sự

Ở Việt Nam, pháp luật chưa đưa ra một định nghĩa chính thức về “suy đoán pháp lý” trong Bộ luật Dân sự hay Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, một số quy định mang tính suy đoán đã xuất hiện rải rác. Điều này cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của suy đoán pháp lý trong việc lấp đầy khoảng trống chứng cứ, đặc biệt trong các vụ án tranh chấp dân sự, với nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự.

Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989¹ - văn bản tố tụng dân sự đầu tiên của Việt Nam chưa hề đề cập trực tiếp đến khái niệm “suy đoán pháp lý”. Tuy nhiên, có thể nhận thấy sự manh nha của cơ chế này qua việc đặt ra nghĩa vụ chứng minh cho đương sự, gián tiếp buộc Tòa án trong điều kiện thiếu chứng cứ trực tiếp phải vận dụng lập luận suy đoán để bảo đảm phán quyết có cơ sở.

Đến Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004², mặc dù vẫn không có điều khoản riêng điều chỉnh “suy đoán pháp lý”, nhưng các nguyên tắc về chứng minh và đánh giá chứng cứ đã mở rộng hơn, thừa nhận vai trò của chứng cứ gián tiếp và lập luận logic trong việc xác định sự thật khách quan. Đây

có thể xem là bước phát triển tiếp theo của tư duy lập pháp, khi các nhà làm luật bắt đầu nhận diện sự tồn tại khách quan của suy đoán trong hoạt động xét xử.

Từ Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến thời điểm hiện tại, trong bối cảnh các vụ án tranh chấp dân sự được hệ thống Tòa án nhân dân thụ lý đang trở nên ngày càng phức tạp. Để đáp ứng yêu cầu tìm kiếm sự thật khách quan, Tòa án Việt Nam đã vận dụng suy đoán pháp lý như một kỹ thuật tư duy gián tiếp để đưa ra kết luận hợp lý.

Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng*”, đây là một suy đoán pháp lý có thể bị phản bác bằng kết luận giám định ADN.

Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 về người thừa kế theo pháp luật, trong đó có thể phát sinh suy đoán về mối quan hệ huyết thống nếu không có tài liệu chứng minh cụ thể nhưng có căn cứ về mặt thực tế.

Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không đề cập khái niệm suy đoán, nhưng lại quy định nguyên tắc “*Đương sự có nghĩa vụ chứng minh*”, gián tiếp dẫn đến việc thẩm phán sử dụng suy đoán trong điều kiện thiếu chứng cứ đầy đủ. Việc áp dụng suy đoán không xuất phát từ quy định rõ ràng của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, mà đến từ nhu cầu nội tại của hoạt động xét xử. Khi một sự kiện không thể được chứng minh bằng chứng cứ trực tiếp, nhưng có chuỗi sự kiện, tình tiết hợp lý, logic, phù hợp với đời sống xã hội, thì việc suy luận hợp lý trở thành giải pháp khả thi để bảo đảm tính khả thi, công bằng và hợp lý của bản án.

Ngoài ra, mục tiêu và yêu cầu của suy đoán pháp lý trong tố tụng, như đã phân tích ở trên là nhằm bảo đảm: (i) Sự hợp lý của kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng trong điều kiện không thể thu thập được chứng cứ trực tiếp, (ii) Giảm nhẹ gánh nặng chứng minh, đặc biệt là cho bên yếu thế, và (iii) tiết kiệm chi phí và thời gian tố tụng, nâng cao hiệu quả xét xử và năng lực xét xử của các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, các quy định này còn rời rạc, chưa được thiết kế thành một cơ chế rõ ràng. Pháp luật Việt Nam chưa có quy tắc phân biệt giữa suy đoán có thể phản bác và không thể phản bác, chưa có chuẩn mực về mức độ “căn cứ hợp lý” để vận dụng suy đoán. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý và dễ dẫn đến sự tùy nghi trong áp dụng của các cơ quan xét xử.

Tóm lại, thực tiễn xét xử cho thấy rằng, việc vận dụng suy đoán pháp lý vẫn tồn tại hai mặt, một mặt là suy đoán pháp lý đã và đang được vận dụng tương đối phổ biến, thể hiện tính linh hoạt và nhu cầu thực tiễn lớn của hoạt động suy đoán trong hoạt động xét xử. Mặt còn lại là việc thiếu đi các nguyên tắc, tiêu chí và bộ khung pháp lý điều chỉnh đang tạo ra một “khe hở” khiến một kỹ thuật pháp lý quan trọng trở thành “vùng xám”, dễ bị lạm dụng hoặc áp dụng sai lệch, ảnh hưởng đến tính công bằng trong hoạt động xét xử của hệ thống tư pháp.

Thứ hai, thực trạng vận dụng suy đoán pháp lý trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế tại Việt Nam

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế, suy đoán pháp lý được áp dụng phổ biến nhưng thiếu thống nhất và chưa

được chuẩn hóa. Do loại tranh chấp này thường liên quan đến quan hệ huyết thống, gia đình, nhân thân và thiếu tài liệu trực tiếp như khai sinh, hộ khẩu (dễ thất lạc vì chiến tranh, thiên tai...), Tòa án thường phải sử dụng lập luận suy đoán để xác định tư cách thừa kế, thời điểm tử vong hoặc phạm vi di sản được hưởng.

Một là, trong nhiều vụ án tranh chấp chia thừa kế, suy đoán pháp lý được sử dụng để lấp đầy những khoảng trống trong tình tiết vụ án, chứng minh về quan hệ huyết thống. Khi đương sự không thể xuất trình giấy tờ như khai sinh, hộ khẩu do hoàn cảnh khách quan như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn hoặc thất lạc lâu năm. Các Tòa án thường dựa vào chuỗi dữ kiện thực tế như: sự chăm sóc, nuôi dưỡng, lời khai nhân chứng, giấy tờ hành chính,... từ đó suy đoán nên mối quan hệ cha - con giữa người được hưởng di sản thừa kế và người để lại di sản thừa kế. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ gánh nặng về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, đặc biệt là bảo vệ quyền lợi cho những người yếu thế.

Hai là, trong những vụ án tranh chấp dân sự không thể xác định được thứ tự tử vong giữa những người cùng hàng thừa kế (chết do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh), hoặc người thừa kế đã đã mất tích lâu nhưng không được tuyên bố là đã chết, các cơ quan tiến hành tố tụng thường buộc phải thực hiện suy đoán gián tiếp từ chứng cứ rời rạc do đương sự cung cấp, kết hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, việc thiếu các quy phạm pháp luật hướng dẫn về phương pháp lượng giá chứng cứ gián tiếp, cũng như chưa

có chế tài kiểm soát phạm vi, hiệu lực, tính logic của lập luận nên kết luận của Tòa án trong những trường hợp này dễ rơi vào trạng thái cảm tính, khó kiểm chứng hoặc bị phản đối kéo dài.

Ba là, một dạng vận dụng phổ biến khác là xác định phạm vi của di sản thừa kế, tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng trong trường hợp tài sản đứng tên một người nhưng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án thường sử dụng các suy đoán ngầm định về tài sản trong hôn nhân để đưa ra kết luận. Cách vận dụng này nhìn chung phù hợp với thực tiễn đời sống, thể hiện tính linh hoạt trong xét xử.

Như vậy, có thể khẳng định rằng trong thực tế, suy đoán pháp lý đang được áp dụng đúng với vai trò mà học thuyết này đề xuất: hỗ trợ lập luận, tiết kiệm chi phí tố tụng và bảo vệ quyền lợi đương sự trong điều kiện thiếu chứng cứ chứng minh. Theo đó, nhiều thẩm phán đã chủ động áp dụng suy đoán một cách linh hoạt, qua đó làm sáng tỏ bản chất sự việc, nhất là trong các vụ việc có yếu tố lịch sử - xã hội đặc thù. Tuy nhiên, vẫn tồn tại mặt hạn chế, đó là toàn bộ hoạt động này vẫn chưa được điều chỉnh bởi một hệ thống quy phạm pháp luật phù hợp, dẫn đến sự tùy nghi, chủ quan, nếu suy đoán bị lạm dụng hoặc diễn giải lệch hướng so với mục tiêu ban đầu.

Từ việc phân tích thực tiễn giải quyết tranh chấp và quy định của pháp luật hiện hành, chúng ta có thể rút ra một số đánh giá khái quát như sau:

(i) Các biểu hiện tương tự với “*suy đoán pháp lý*” hiện nay đã và đang được vận

dụng tương đối phổ biến trong các vụ án dân sự, đặc biệt là tranh chấp về thừa kế, cho dù không được luật nội dung và luật hình thức quy định một cách chính thức như một thiết chế độc lập, nhưng xét trên phương diện chức năng, suy đoán pháp lý đang là một công cụ lập luận quan trọng, giúp cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra phán quyết trong nhiều điều kiện, trong đó dễ thấy nhất là việc những người tham gia tố tụng không thể cung cấp chứng cứ hoặc cung cấp chứng cứ không đầy đủ cho cơ quan chức năng. Điều này thể hiện sự linh hoạt của thực tiễn xét xử trong việc đáp ứng yêu cầu công lý và thực tiễn xã hội.

(ii) Việc pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về khái niệm, hình thức, giới hạn và nguyên tắc áp dụng các “*suy đoán pháp lý*” đã dẫn đến một thực trạng đó là việc vận dụng các suy đoán còn mang tính tùy nghi. Trong nhiều trường hợp, suy đoán được áp dụng như một giải pháp để lấp đầy các kẽ hở trong nội dung vụ án, các khoảng trống trong chứng cứ chứng minh, thế nhưng, tuy được áp dụng phổ biến, các suy đoán trên lại thiếu đi các tiêu chí đánh giá thống nhất về tính hợp pháp, hợp lý của suy đoán, mức độ chặt chẽ của chuỗi lập luận, và khả năng, quyền được phản bác của các bên đương sự. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính đúng đắn của quá trình tố tụng, tính nhất quán trong hoạt động tư pháp, mà còn làm gia tăng nguy cơ sai lệch trong kết luận của Tòa án.

(iii) Hệ thống pháp luật dân sự và tố tụng dân sự hiện chưa phân biệt rõ ràng giữa suy đoán pháp lý có thể bị phản bác và suy đoán không thể bị phản bác cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá “căn cứ

hợp lý để hình thành suy đoán. Việc thiếu các quy tắc trong kỹ thuật tư pháp như vậy khiến cho các bên tham gia tố tụng không xác định được nghĩa vụ chứng minh thuộc về ai, từ đó làm giảm hiệu quả của nguyên tắc tranh tụng và quyền được xét xử công bằng.

(iv) Trong bối cảnh số lượng các tranh chấp dân sự ngày càng tăng, tính phức tạp của các quan hệ xã hội ngày càng cao, việc tiếp tục để các suy đoán trong hệ thống pháp luật dân sự có thể sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro phát sinh trước, trong và sau quá trình tố tụng. Nếu không được pháp điển hóa rõ ràng, suy đoán pháp lý có thể trở thành một “vùng xám” dễ bị những người có chức vụ, quyền hạn lạm dụng hoặc diễn giải tùy tiện.

Từ những đánh giá trên, có thể khẳng định rằng việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, thống nhất về suy đoán pháp lý là cần thiết, nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng, và nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp trong tố tụng dân sự Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp về thừa kế vốn chịu ảnh hưởng nặng nề của yếu tố nhân thân, truyền thống và tập quán.

2. Một số giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả suy đoán pháp lý trong giải quyết tranh chấp thừa kế tại Việt Nam

Thứ nhất, giải pháp về xây dựng và ban hành các quy định cụ thể về suy đoán pháp lý trong tố tụng dân sự

Yêu cầu đặt ra hiện nay là cần sớm xây dựng và ban hành các quy định cụ thể và hệ thống về “suy đoán pháp lý” trong dân sự tại Việt Nam. Đây không chỉ là sự bổ sung mang tính kỹ thuật lập pháp, mà còn là bước tiến tất yếu trong quá trình hiện đại hóa hoạt động xét

xử, bảo đảm công bằng, khách quan và minh bạch cho các bên đương sự.

Một là, cần pháp điển hóa khái niệm “suy đoán pháp lý” trong Bộ luật Tố tụng dân sự, hoặc một văn bản dưới luật có giá trị hướng dẫn thi hành. Việc ghi nhận khái niệm này sẽ tạo căn cứ cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi áp dụng các lập luận gián tiếp dựa trên dữ kiện thực tế để đưa ra nhận định pháp lý. Sự công nhận chính thức này cũng sẽ giúp giới nghiên cứu và người học luật có cơ sở để tiếp cận, đào sâu và phát triển học thuyết suy đoán pháp lý trong bối cảnh Việt Nam hiện tại.

Hai là, nhà làm luật cần quy định rõ các điều kiện, giới hạn và trình tự áp dụng suy đoán pháp lý trong tố tụng dân sự. Cụ thể, luật cần làm rõ: (i) sự kiện cơ sở phải được chứng minh bằng chứng cứ hợp pháp; (ii) chuỗi suy luận logic phải phù hợp với thực tiễn đời sống và kinh nghiệm xã hội; (iii) suy đoán phải hướng đến mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đương sự, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Bên cạnh đó, cần phân định rõ ràng giữa suy đoán có thể bị phản bác và suy đoán không thể bị phản bác để các chủ thể tố tụng có thể xác định đúng nghĩa vụ chứng minh và quyền phản bác của mình trong từng trường hợp cụ thể.

Ba là, nhà làm luật cần xây dựng các quy định nhằm kiểm soát việc vận dụng “suy đoán pháp lý” trong quá trình tố tụng. Trong đó, vai trò của những người tiến hành tố tụng và các chế định giám sát độc lập khác phải được phát huy nhằm bảo đảm rằng mọi suy đoán được áp dụng đều dựa trên căn cứ khách quan, phù hợp với tiêu chuẩn pháp luật.

Bốn là, các quy định mới cần thể hiện tinh thần cải cách tư pháp theo hướng tranh tụng, phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Trong đó, suy đoán pháp lý cần được thiết kế như một công cụ hỗ trợ cho thẩm phán và các bên đương sự trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan, chứ không phải là phương tiện để hợp lý hóa những nhận định cảm tính. Suy đoán pháp lý chỉ nên được vận dụng khi chứng cứ trực tiếp không có hoặc không đủ, và phải luôn đặt trong tình huống có thể bị kiểm tra, phản biện công khai trước tòa.

Thứ hai, giải pháp về ban hành danh mục suy đoán pháp lý phổ biến trong các lĩnh vực tố tụng dân sự

Tại Việt Nam, trong bối cảnh pháp lý và thực tiễn xét xử hiện nay, cần nghiên cứu ban hành danh mục suy đoán pháp lý thông dụng, trước mắt tập trung vào các quan hệ trong tranh chấp chia di sản thừa kế: (i) Quan hệ nhân thân - hôn nhân - gia đình: suy đoán con sinh trong thời kỳ hôn nhân là con chung; người mất tích lâu năm đã chết; vợ chồng ly thân thực tế dù không có giấy tờ. (ii) Quan hệ phát sinh khi chia thừa kế: suy đoán thứ tự tử vong khi không xác định được thời điểm chết; suy đoán mối quan hệ huyết thống qua dữ kiện chăm sóc, nuôi dưỡng; suy đoán tài sản là tài sản chung của vợ chồng. (iii) Quan hệ dân sự - nghĩa vụ tài sản: suy đoán về sự chấp thuận ngầm; suy đoán sử dụng tài sản chung khi một bên vắng mặt; suy đoán nghĩa vụ đã được thực

hiện nếu không có chứng cứ phản bác trong thời gian hợp lý.

Danh mục này cần đi kèm tiêu chí áp dụng, giới hạn phản bác và cơ chế đánh giá hợp lý; có thể được ban hành dưới hình thức nghị quyết, thông tư hoặc phụ lục hướng dẫn Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi. Việc chuẩn hóa suy đoán pháp lý không chỉ hỗ trợ thẩm phán tránh tùy nghi trong xét xử mà còn giúp các bên xây dựng chiến lược chứng minh hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí tố tụng.

Thứ ba, giải pháp về tăng cường đào tạo và hướng dẫn kỹ năng suy đoán cho thẩm phán

Bên cạnh việc hoàn thiện quy phạm và xây dựng danh mục suy đoán pháp lý, một giải pháp thiết yếu nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi là tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư về kỹ năng vận dụng suy đoán trong tố tụng dân sự. Cụ thể, cần đưa nội dung suy đoán pháp lý vào chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho người tiến hành tố tụng, với trọng tâm là: nhận diện tình huống áp dụng, đánh giá mức độ hợp lý của suy đoán và xác định giới hạn phản bác. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên đề do Tòa án nhân dân tối cao hoặc Học viện Tòa án chủ trì sẽ tạo không gian trao đổi kinh nghiệm xét xử, chia sẻ các tình huống điển hình và hình thành tư duy xét xử thống nhất về suy đoán.

Suy đoán pháp lý, tuy không mới trong lý luận pháp luật, nhưng là công cụ tư duy quan trọng trong tố tụng dân sự, giúp thẩm phán suy luận hợp lý từ dữ kiện gián

tiếp để bảo vệ quyền lợi đương sự khi thiếu chứng cứ trực tiếp. Trong bối cảnh cải cách tư pháp hướng đến công khai, dân chủ và bảo vệ quyền con người, suy đoán pháp lý - nếu được thiết kế và áp dụng đúng - sẽ trở thành trụ cột kỹ thuật của xét xử hiện đại, nâng cao chất lượng tư duy tư pháp và củng cố niềm tin vào công lý. Việc chuẩn hóa và pháp điển hóa suy đoán pháp lý không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật, mà còn trực tiếp bảo đảm các quyền được xét xử công bằng, tiếp cận công lý và quyền thừa kế, đặc biệt cho nhóm yếu thế, góp phần hiện thực hóa nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.

Tài liệu trích dẫn

(1) Hội đồng nhà nước (1989), Pháp lệnh của Hội đồng nhà nước số 27-LCT/HĐNN8 ngày 07/12/1989 Về thủ tục giải quyết các vụ án dân sự

(2) Quốc hội (2014), Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, luật số 24/2004/QH11, ngày 15/6/2004

Tài liệu tham khảo

I. Văn bản quy phạm pháp luật

Tiếng Việt

1. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.

2. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Luật số 92/2015/QH13, ngày 25/11/2015.

3. Quốc hội (2014), Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Luật số 52/2014/QH13, ngày 19/6/2014.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022, về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.

5. Hội đồng nhà nước (1989), Pháp lệnh của Hội đồng nhà nước số 27-LCT/HĐNN8 ngày 07/12/1989 Về thủ tục giải quyết các vụ án dân sự.

6. Quốc hội (2014), Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, luật số 24/2004/QH11, ngày 15/6/2004.

Tiếng nước ngoài

7. Án lệ Estate of Villwock, 359 N.W.2d 420 (Minn. App. 1984).

8. Án lệ Matter of Estate of Daniels, 665 P.2d 1151

(N.M. App. 1983).

9. Án lệ In re Estate of Hodge, 470 So.2d 740 (Miss. 1985).

10. Án lệ McCormick, Charles T., McCormick on Evidence, 6th ed., West Academic Publishing, 2006.

11. Án lệ Mueller, Christopher B., & Kirkpatrick, Laird C., Evidence Under the Rules, 8th ed., Aspen Publishers, 2014.

12. Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ, Bộ quy tắc Chứng cứ Liên bang - Federal Rules of Evidence, ngày 1 tháng 7 năm 1965.

13. National Conference of Commissioners on Uniform State Laws, Uniform Probate Code (UPC), sửa đổi năm 2010.

II. Công trình nghiên cứu

14. Macagno & Walton (2012), “Presumptions in Legal Argumentation”, Ratio Jurist.

Lấy từ URL:

https://www.researchgate.net/publication/231336884_Presumptions_in_Legal_Argumentation.

15. Du Wen (2022), “Contextualizing Relations Between Presumptions and Legal Fictions: An Analysis of the Chinese Civil Code”, Canadian Center of Science and Education.

Lấy từ URL:

<https://ccsenet.org/journal/index.php/jpl/article/view/0/47336?>

16. Abdul Hadi Rahman Muhammad (2024), “Legal Presumptions and Their Role in Criminal Proof (A Comparative Study)” tạp chí Contemporary Readings in Law and Social Justice.

Lấy từ URL:

<https://crisj.com/index.php/journal/article/view/86?>